

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU,  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Dân

Bà Trương Ánh Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 380/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Đường D1, khu dân cư Đ, ấp Đ, xã L, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Thái L, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Đường D1, khu dân cư Đ, ấp Đ, xã L, thành phố CM, tỉnh CM (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thái L kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên Trần Ngọc Trúc, sinh ngày 29/10/2011 và Trần Ngọc Cát Tường, sinh ngày 13/11/2017, hiện đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Thái L đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh Trần Thái L vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Thái L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh Trần Thái L vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Thái L là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện công việc trong gia đình. Nay chị B xác định chị không còn tình cảm với anh L nên chị không thể duy trì quan hệ hôn nhân với L cũng như không thể thực hiện các nghĩa vụ của một người vợ đối với chồng. Xét thấy, hôn nhân của chị B và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị B có yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Ngọc Trúc, sinh ngày 29/10/2011 và Trần Ngọc Cát Tường, sinh ngày 13/11/2017, xét thấy: 02 con chung của chị B, anh L là nữ, còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt của người mẹ và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trúc. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B về việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: đương sự không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị B về việc xin ly hôn với anh Trần Thái L. Chị B được ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Trúc, sinh ngày 29/10/2011 và Trần Ngọc Cát Tường, sinh ngày 13/11/2017 cho chị Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Thái L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000666 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thái L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND phường 8, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Trương Thanh Quốc**